

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2022/DS-PT

Ngày: 16-12-2022

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản;
tranh chấp tài sản thuộc sở hữu
chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đ: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản; tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 365/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Đ. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Phúc Ân – Văn phòng luật sư Phúc Ân - Đoàn luật sư tỉnh Đ. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1 Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1992; trú tại: số 985B, Quốc lộ 20, xã Lộc Châu, thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện theo uỷ quyền của chị N: anh Trần Văn T, sinh năm 1989; trú tại: số 985B, Quốc lộ 20, xã C, thành phố L, tỉnh Đ. Văn bản uỷ quyền ngày 15/12/2021. Có mặt.

2.2 Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1998; trú tại: tổ dân phố Đông Đa, thị trấn B, huyện H, tỉnh Đ

Đại diện theo uỷ quyền của chị L: anh Ngô Quốc M, sinh năm 1994; trú tại: tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Đ. Văn bản uỷ quyền ngày 08/3/2022. Có mặt.

2.3 Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1995; trú tại: tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Đ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị Tú A, sinh năm 1966; trú tại: số 985B, Quốc lộ 20, xã Lộc Châu, thành phố L, tỉnh Đ. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H- Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Sanh ở với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H. Trong thời gian chung sống giữa bà với ông Sanh không có con chung. Năm 2019 ông Sanh chết, khi chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế ông Sanh để lại gồm : Diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 880m² thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 2.702m² thuộc thửa số 175, 176, tờ bản đồ số 42 và diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H. Bà xác định đây là tài sản riêng của ông Sanh. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Sanh gồm bà, chị N, chị Ngọc, chị Loan. Nay bà yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Sanh để lại làm 04 phần trong đó bà được hưởng một phần, chị Loan, chị N, chị Ngọc mỗi người được hưởng một phần đối với các diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 880m² thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42 và diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H. Đối với diện tích đất 2.702m² thuộc thửa số 175, 176 , tờ bản đồ số 42 không yêu cầu chia mà để các bên tự thỏa thuận giải quyết.

Đối với trình bày của bị đơn cho rằng khi ông Sanh chết chị N đứng ra lo tổ chức ma chay và thực hiện một số nghĩa vụ do ông Sanh để lại gồm: Chi phí ma chay cho ông Sanh 60.000.000đ; khoản nợ Ngân hàng của ông Sanh sau khi trừ đi số tiền bảo hiểm đã chi trả 16.000.000đ (Ông Sanh nợ Ngân hàng 75.000.000đ, bảo hiểm thanh toán cho số tiền 60.000.000đ, còn 16.000.000đ này phải trả); khoản nợ đối với hội chữ thập đỏ 6.000.000đ; khoản nợ đối với bà Nguyễn Thị Lam 2.400.000đ; Chi phí di dời mộ của ông bà nội về gần mộ của ông Sanh theo nguyện vọng của ông Sanh 90.000.000đ; khoản chi trả viện phí trước khi ông Sanh chết 4.000.000đ. Nợ bà Mai Thị Loan số tiền 8.000.000đ. Đối với những khoản nợ này bị đơn yêu cầu chia làm 4 và cho rằng số tiền này bị đơn đã góp vào đã trả nên yêu cầu bà phải trả lại cho bị đơn số tiền là 45.000.000đ bà không đồng ý. Khi ông Sanh chết bà cùng các con của ông Sanh đứng ra lo mai táng. Chi phí ma chay cho ông Sanh được lấy từ tiền phúng điếu trong đó bà đưa 3.000.000đ, gia đình bà đưa thêm 3.000.000đ. Đối với số tiền nợ Ngân hàng bà và ông Sanh vay để xây nhà cho chị Ngọc ở. Đối với những khoản nợ khác là những khoản nợ riêng không liên quan đến bà.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N có đại diện theo ủy quyền anh Trần Văn Tuấn trình bày: Ngày 06/6/1991, bố mẹ chị N là bà Huỳnh Thị Tú An và ông Nguyễn Văn Sanh xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Đ. Quá trình chung sống giữa ông Sanh và bà An có một người con chung là chị Nguyễn Thị Kim N. Năm 1994 ông Sanh chung sống với bà Dương Thị Minh và có 02 người con chung là chị Nguyễn Thị Kim Ngọc, sinh năm 1995 và chị Nguyễn Thị Kim Loan, sinh năm 1998.

Ngày 20/10/2002, ông Sanh lại chung sống và đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị H tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H.

Ngày 31/7/2017 ông Sanh và bà An đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Đ bằng quyết định số 178/2017/QĐSTHNGĐ, ngày 20/9/2019 ông Sanh chết không để lại di chúc.

Bố của ông Sanh là ông Nguyễn Văn Luru, sinh năm 1928, chết ngày 20/8/2017. Mẹ của ông Sanh là bà Đỗ Thị Xuân, sinh năm 1940, chết ngày 02/9/2018. Tại quyết định số 01/2020/QĐPT - HNGĐ ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật đã giải quyết công nhận quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn Sanh, bà Nguyễn Thị H từ ngày 01/8/2017.

Khi còn sống, ông Sanh có tạo lập được tài sản như sau: Ông Nguyễn Văn Sanh được bố mẹ là ông Nguyễn Văn Luru, bà Đỗ Thị Xuân tặng cho quyền sử dụng đất gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 295929; số AG 295930, số AG 295931, số AG 295932 cụ thể: Quyền sử dụng diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 880m² thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 2.702m² thuộc thửa số 175, 176, tờ bản đồ số 42 và diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42 bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sanh thì anh đồng ý chia di sản thừa kế theo quy định và xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Sanh gồm có 4 người là: chị N, bà H, chị Loan, chị Ngọc.

Đối với quyền sử dụng diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42 và quyền sử dụng diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42 là tài sản của ông Sanh nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Sanh và bà Huỳnh Thị Tú An do đó là tài sản chung của ông Sanh và bà An. Anh đề nghị Tòa án chia tài sản chung của ông Sanh, bà An, giao cho bà An được nhận ½ diện tích đất nêu trên.

Anh xác định di sản mà ông Sanh để lại là diện tích đất thuộc thửa số 175, 176 tờ bản đồ số 42; diện tích đất thuộc thửa số 92, ½ diện tích đất thuộc thửa số 95; ½ diện tích đất thuộc thửa 96 tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H.

Anh đề nghị chia di sản mà ông Sanh để lại thành 4 phần bằng nhau, chia bằng hiện vật. Đối diện tích đất thuộc thửa 175, 176 bà H không yêu cầu chia thì anh cũng đồng ý để các bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Khi ông Sanh chết chị N đã đứng ra lo tổ chức ma chay và thực hiện một số nghĩa vụ do ông Sanh để lại gồm có: Chi phí ma chay cho ông Sanh 60.000.000đ; Tiền vay ngân hàng của ông Sanh sau khi trừ đi khoản chi trả của bảo hiểm 16.000.000đ (Ông Sanh nợ Ngân hàng 75.000.000đ, bảo hiểm thanh toán cho số tiền 60.000.000đ, còn 16.000.000đ này các bị đơn phải trả); khoản nợ đối với hội chữ thập đỏ 6.000.000đ; khoản nợ đối với bà Nguyễn Thị Lam 2.400.000đ; Chi phí di dời mộ của ông bà nội về gần mộ của ông Sanh theo nguyện vọng của ông Sanh 90.000.000đ; khoản chi trả viện phí trước khi ông Sanh chết khoảng 4.000.000đ; nợ bà Mai Thị Loan số tiền 8.000.000đ. Đối với những khoản nợ này bị đơn yêu cầu chia làm 4. Số tiền này bị đơn đã góp và đã trả. Vì vậy, anh yêu cầu bà H phải trả lại cho bị đơn số tiền 45.000.000đ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Loan có đại diện theo ủy quyền anh Ngô Quốc Mẫn trình bày: Về hàng thừa kế, di sản do ông Sanh để lại thì anh thống nhất như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị KimN. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sanh thì anh đồng ý chia di sản thừa kế của ông Sanh theo quy định của pháp luật và xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Sanh gồm có 4 người là: chịN, bà H, chị Loan, chị Ngọc.

Đối với quyền sử dụng diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42 và quyền sử dụng diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42 là tài sản của ông Sanh nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Sanh và bà Huỳnh Thị Tú An do đó là tài sản chung của ông Sanh và bà An. Anh đề nghị Tòa án chia tài sản chung của ông Sanh, bà An, giao cho bà An được nhận ½ diện tích đất nêu trên.

Anh xác định di sản mà ông Sanh để lại là diện tích đất thuộc thửa số 175, 176 tờ bản đồ số 42; diện tích đất thuộc thửa số 92, ½ diện tích đất thuộc thửa 95; ½ diện tích đất thuộc thửa 96 tờ bản đồ số 42.

Anh đề nghị chia di sản mà ông Sanh để lại thành 4 phần bằng nhau, chia cho bằng hiện vật. Đối với diện tích đất thuộc thửa số 175, 176 bà H không yêu cầu chia thì anh cũng đồng ý để các bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Khi ông Sanh chết thì chịN đã đứng ra lo tổ chức ma chay và thực hiện một số nghĩa vụ do ông Sanh để lại gồm có: chi phí ma chay cho ông Sanh 60.000.000đ; khoản nợ Ngân hàng sau khi trừ đi khoản chi trả của bảo hiểm 16.000.000đ (Ông Sanh nợ Ngân hàng 75.000.000đ, bảo hiểm thanh toán cho số tiền là 60.000.000đ, còn 16.000.000đ này các bị đơn phải trả); khoản nợ đối với hội chữ thập đỏ là 6.000.000đ; khoản nợ đối với bà Nguyễn Thị Lam 2.400.000đ; Chi phí di dời mộ của ông bà nội về gần mộ của ông Sanh theo nguyện vọng của ông Sanh 90.000.000đ; khoản chi trả viện phí trước khi ông Sanh chết khoảng 4.000.000đ; nợ bà Mai Thị Loan số tiền 8.000.000đ. Đối với những khoản nợ này bị đơn yêu cầu chia làm 4. Số tiền này bị đơn đã góp vào đã trả. Vì vậy, anh yêu cầu bà H phải trả lại cho bị đơn số tiền 45.000.000đ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Ngọc trình bày: Về hàng thừa kế, di sản do ông Sanh để lại thì chị thống nhất như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị KimN. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sanh thì chị đồng ý chia di sản thừa kế của ông Sanh theo

pháp luật. Chị xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Sanh gồm có 4 người là: chị N, bà H, chị Loan và chị.

Đối với quyền sử dụng diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42 và quyền sử dụng diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42 là tài sản của ông Sanh nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Sanh và bà Huỳnh Thị Tú An do đó là tài sản chung của ông Sanh và bà An. Chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung của ông Sanh, bà An, giao cho bà An được nhận ½ diện tích đất nêu trên.

Chị xác định di sản mà ông Sanh để lại là diện tích đất thuộc thửa số 175, 176 tờ bản đồ số 42; diện tích đất thuộc thửa số 92, ½ diện tích đất thuộc thửa số 95; ½ diện tích đất thuộc thửa số 96 tờ bản đồ số 42.

Chị đề nghị chia di sản mà ông Sanh để lại thành 4 phần bằng nhau, chị yêu cầu chia cho chị bằng hiện vật. Đối với thửa 175, 176 bà H không yêu cầu chia thì chị cũng đồng ý để các bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Khi ông Sanh chết thì chị N đã đứng ra lo tổ chức ma chay và thực hiện một số nghĩa vụ do ông Sanh để lại gồm có: Chi phí ma chay cho ông Sanh 60.000.000đ; khoản nợ Ngân hàng của ông Sanh sau khi trừ đi khoản chi trả của bảo hiểm 16.000.000đ (Ông Sanh nợ Ngân hàng 75.000.000đ, bảo hiểm thanh toán cho số tiền 60.000.000đ, còn 16.000.000đ này các bị đơn phải trả); khoản nợ đối với hội chữ thập đỏ 6.000.000đ; khoản nợ đối với bà Nguyễn Thị Lam 2.400.000đ; Chi phí di dời mộ của ông bà nội về gần mộ của ông Sanh theo nguyện vọng của ông Sanh 90.000.000đ; khoản chi trả viện phí trước khi ông Sanh chết khoảng 4.000.000đ; nợ bà Mai Thị Loan số tiền 8.000.000đ. Đối với những khoản nợ này bị đơn yêu cầu chia làm 4. Số tiền này bị đơn đã góp vào đã trả. Vì vậy, chị yêu cầu bà H phải trả lại cho bị đơn số tiền 45.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Tú An trình bày:
Ngày 06/6/1991 bà và ông Nguyễn Văn Sanh xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Đ. Vợ chồng bà có một con chung là chị Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 21/5/1992. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà xảy ra mâu thuẫn nên ông Sanh đã chuyển ra ngoài sinh sống. Tuy nhiên trong thời gian quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Sanh chưa chấm dứt thì ông Sanh có chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác, cụ thể: Năm 1994 ông Sanh chung sống với bà Dương Thị Minh và có 02 người con chung là chị Nguyễn Thị Kim Ngọc, sinh năm 1995 và chị Nguyễn Thị Kim Loan, sinh năm 1998. Năm 2002 ông Sanh lại chung sống với bà Nguyễn Thị H. Đến ngày 31/7/2017 ông Sanh

và bà đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Đăk Nông quyết định số 178/2017/QĐSTHNĐ. Ngày 20/9/2019 ông Sanh chết không để lại di chúc.

Ông Sanh và bà có một số tài sản chung gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/9/2006, cập nhật chuyển nhượng sang tên ông Nguyễn Văn Sanh ngày 22/7/2015; quyền sử dụng diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H đất đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/9/2006, cập nhật chuyển nhượng sang tên ông Nguyễn Văn Sanh ngày 22/7/2015.

Hiện nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Sanh thì bà có ý kiến như sau: Đối với quyền sử dụng diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95 và quyền sử dụng đất diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42 là tài sản ông Sanh nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Sanh và bà còn tồn tại, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do đó đây là tài sản chung của ông Sanh và bà. Bà đề nghị Tòa án chia tài sản chung của bà và ông Sanh đối với diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95 và quyền sử dụng đất diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại tổ dân phố Đông Đa, thị trấn B, huyện H. Bà yêu cầu được nhận 1/2 diện tích đất nêu trên bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Phần còn lại thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DSST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc: *“Tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung”* với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N, chị Nguyễn Thị Kim Ngọc, chị Nguyễn Thị Kim Loan.

- Xác định diện tích đất 2.760m² (trong đó có 400m² đất ODT và 2.360m² đất CLN) thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 821m² đất TSN thuộc thửa số 96 và diện tích đất 736m² đất CLN thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H và tài sản trên đất là di sản của ông Nguyễn Văn Sanh để lại. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sanh cho các đồng thừa kế, cụ thể như sau:

- Chia cho bà Nguyễn Thị H diện tích đất 711m², trong đó có 100m² đất ONT và 611m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H và tài sản trên đất.

- Chia cho chị Nguyễn Thị Kim N diện tích đất 639m², trong đó có 100m² đất ONT và 539m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H cùng tài sản và diện tích đất 821m² đất TSN thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H.

- Chia cho chị Nguyễn Thị Kim Loan diện tích đất 618m², trong đó có 100m² đất ONT và 518m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H và tài sản trên đất.

- Chia cho chị Nguyễn Thị Kim Ngọc diện tích đất 792m², trong đó có 100m² đất ONT và 692m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H cùng tài sản và diện tích đất 736m² đất CLN thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4.

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim N phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 207.301.000đ.

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim Loan phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 98.633.000đ.

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim Ngọc phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 315.433.000đ.

Đất chia cho bà H, chị N, chị Loan, chị Ngọc như trên có họa đồ lô đất kèm theo. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 2.702m² thuộc thửa đất số 175, 176, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Tú An đối với yêu cầu chia 1/2 diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95 và 1/2 diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H.

Ngày 26/9/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị tính công sức đóng góp, tôn tạo, gìn giữ tài sản là 10% trên tổng giá trị di sản là 1.248.546.800đ cho bà và chia đều diện tích đất là di sản thừa kế do ông Sanh để lại cho những người trong hàng thừa kế.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo đề nghị tính công sức đóng góp, tôn tạo, gìn giữ tài sản là 10% trên tổng giá trị di sản là 1.248.546.800đ cho bà H và đề nghị được chia phần di sản bằng biện vật là phần đất chị Nguyễn Thị KimN được chia.

Các đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Tú An không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đphát biểu: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy báo của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H trong thời hạn luật định thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí nên được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sanh để lại gồm diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 880m² thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 2.702m² thuộc thửa số 175, 176, tờ bản đồ số 42 và diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Tú An thì cho rằng diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42 và diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42 tại thị trấn B, huyện H là tài sản chung của bà An và ông Sanh nên yêu cầu chia ½ diện tích thửa đất này cho bà An nên các bên phát sinh tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung*” là có căn cứ.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H rút một phần yêu cầu đối với diện tích đất 2.702m² thuộc thửa đất số 175, 176, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H. Cấp sơ thẩm đình chỉ xét

xử đối với việc rút yêu cầu của bà H tại thửa 175, 176 , tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H.

[1.4] Đối với yêu cầu bị đơn chị N, chị Loan, chị Ngọc yêu cầu bà H thanh toán lại $\frac{1}{4}$ số tiền mà chị N đã đứng ra lo tổ chức ma chay và thực hiện một số nghĩa vụ do ông Sanh để lại gồm có: Chi phí ma chay cho ông Sanh 60.000.000đ. Khoản nợ Ngân hàng của ông Sanh sau khi trừ đi khoản tiền bảo hiểm chi trả thì bị đơn phải trả 16.000.000đ; khoản nợ đối với hội chữ thập đỏ 6.000.000đ; khoản nợ đối với bà Nguyễn Thị Lam 2.400.000đ; Chi phí di dời mộ của ông bà nội về gần mộ của ông Sanh theo nguyện vọng của ông Sanh 90.000.000đ; khoản chi trả viện phí trước khi ông Sanh chết 4.000.000đ; khoản nợ của bà Mai Thị Loan 8.000.000đ. Đối với yêu cầu trên các đồng bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu. Cấp sơ thẩm đình chỉ đối với việc rút yêu cầu này của đồng bị đơn là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thấy rằng:

[2.1] Về hàng thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Sanh xây dựng gia đình với nhau vào năm 2002 và không có con chung. Trước khi xây dựng gia đình với bà H thì ông Sanh đã kết hôn với bà Huỳnh Thị Tú An vào năm 1991 và sinh được một người con chung là chị Nguyễn Thị Kim N. Sau đó, ông Sanh có chung sống với bà Dương Thị Minh và sinh được 02 người con chung là chị Nguyễn Thị Kim Ngọc và chị Nguyễn Thị Kim Loan. Đến năm 2017, ông Sanh và bà An ly hôn. Hiện nay, bố mẹ ông Sanh là ông Nguyễn Văn Lưu, bà Đỗ Thị Xuân đã chết.

Năm 2019 ông Sanh chết, không để lại di chúc. Do đó, có cơ sở để xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Sanh gồm có 04 đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Kim N, chị Nguyễn Thị Kim Ngọc và chị Nguyễn Thị Kim Loan. Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người thừa kế của ông Sanh là bà H, chị N, chị Loan, chị Ngọc là có căn cứ.

[2.2] Về nguồn gốc di sản thừa kế: di sản do ông Sanh để lại gồm có diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 880m² thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 2.702m² thuộc thửa số 175, 176, tờ bản đồ số 42 và diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H được các bên thừa nhận theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên không phải chứng minh.

[2.3] Xét nguồn gốc diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 880m² thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42 và diện tích đất 862m²

thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H có nguồn gốc của bố mẹ ông Sanh là ông Nguyễn Văn Lưu, bà Đỗ Thị Xuân tặng cho ông Sanh vào ngày 10/7/2015. Hợp đồng tặng cho đã được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H chứng thực theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào hợp đồng tặng cho nêu trên, ngày 22/7/2015 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H đã điều chỉnh sang tên cho ông Nguyễn Văn Sanh đối với diện tích đất thuộc các thửa đất nêu trên. Đồng thời, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H cũng đã khẳng định đối với diện tích đất thuộc thửa số 95 căn cứ vào các thông tin đã thể hiện tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và các thông báo của Chi nhánh và Chi cục thuế H thể hiện ông Lưu, bà Xuân tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Sanh (thửa đất số 95, tờ bản đồ số 42, thị trấn B, huyện H) nhưng do sai sót nên Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H đã điều chỉnh nội dung tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AG 295929, số thửa 95 là chuyển nhượng, chi nhánh sẽ có trách nhiệm đính chính khi có đầy đủ hồ sơ.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định thửa đất số 95 là do ông Sanh được tặng cho từ vợ chồng ông Lưu, bà Xuân chứ không phải thông qua hợp đồng chuyển nhượng. Đối với diện tích đất thuộc thửa số 96 hiện nay không có trong hồ sơ lưu trữ của Chi nhánh nên Chi nhánh không có cơ sở để kiểm tra nội dung điều chỉnh. Qua xem xét thửa đất trên thì thấy rằng thửa đất trên được vợ chồng ông Lưu, bà Xuân tặng cho ông Sanh vào ngày 10/7/2019 trong đó có diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 295930, số thửa 96. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ nêu trên thì không có cơ sở để xác định diện tích đất thuộc thửa số 96 là do ông Sanh được nhận chuyển nhượng nên không có cơ sở để xác định đây là tài sản chung của ông Sanh và bà An được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất diện tích 2.830m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 880m² thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42 và diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H là di sản thừa kế do ông Sanh để lại và không chấp nhận yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung của bà Huỳnh Thị Tú An là có căn cứ.

Đối với tài sản trên đất các bên không tranh chấp, phần đất của ai được giao có tài sản trên đất thì người đó được hưởng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Di sản của ông Nguyễn Văn Sanh để lại gồm: Diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96 (theo kết quả đo vẽ là diện tích 821m²); diện tích đất 2.830m²

thuộc thửa số 95 (theo kết quả đo vẽ là diện tích 2.760m²); diện tích đất 880m² thuộc thửa số 92 (theo kết quả đo vẽ là diện tích 736m²), tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H. Quá trình đo đạc hiện trạng diện tích đất các bên đương sự xác định ranh mốc sử dụng ổn định với các hộ xung quanh và có sự chênh lệch so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên đương sự đồng ý sử dụng diện tích này làm căn cứ giải quyết vụ án.

Theo kết quả thẩm định giá: diện tích đất 821m² thuộc thửa số 96 có giá 88.668.000đ; diện tích đất 2.760m² thuộc thửa số 95 có giá 11.440.000.000đ; diện tích đất 736m² thuộc thửa số 92 có giá là 956.800.000đ. Tổng cộng 12.485.468.000đ. Mỗi đồng thừa kế được hưởng giá trị là $\frac{1}{4} = 3.121.367.000đ$.

Quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế đều yêu cầu được chia bằng hiện vật, hiện nay thửa đất số 92 trên đất có 01 căn nhà chị Ngọc đang là người quản lý sử dụng từ lúc ông Sanh còn sống cho đến nay và là chỗ thờ tự ông Sanh nên cần tiếp tục giao diện tích đất có căn nhà nêu trên cho chị Ngọc quản lý, sử dụng; thửa đất số 95 có giá trị lớn do có chiều ngang đất mặt đường và 400m² đất ở nên cần xem xét giao cho các đồng thừa kế quản lý sử dụng và mỗi người được hưởng 100m² đất ở để đảm bảo quyền lợi cho các bên. Thửa đất số 96 là đất ao nên cần giao đất ao này cho một trong các đồng thừa kế sử dụng tiếp giáp với thửa số 95 là phù hợp.

Di sản thừa kế của ông Sanh để lại tương đương với giá trị thành tiền 12.485.468.000đ. Trong đó diện tích đất 821m² thuộc thửa số 96 có giá 88.668.000đ; diện tích đất 2.760m² thuộc thửa số 95 có giá 11.440.000.000đ và diện tích đất 736m² thuộc thửa số 92 có giá 956.800.000đ.

Chia di sản thừa kế của ông Sanh cho các đồng thừa kế gồm: bà H, chị N, chị Loan, chị Ngọc như sau:

+ Chia cho bà Nguyễn Thị H diện tích đất 711m², trong đó có 100m² đất ONT và 611m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H. Giá trị tài sản bà H được chia là 2.500.000.000đ.

+ Chia cho chị Nguyễn Thị Kim N diện tích đất 639m², trong đó có 100m² đất ONT và 539m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95 và diện tích đất 821m² đất TSN thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H. Giá trị tài sản chị N được chia là 3.328.668.000đ.

+ Chia cho chị Nguyễn Thị Kim Loan diện tích đất 618m², trong đó có 100m² đất ONT và 518m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 42,

bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H. Giá trị tài sản chị Loan được chia là 3.220.000.000đ.

+ Chia cho chị Nguyễn Thị Kim Ngọc diện tích đất 792m², trong đó có 100m² đất ONT và 692m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95 và diện tích đất 736m² đất CLN thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H. Giá trị tài sản chị Ngọc được chia là 3.436.800.000đ.

Toàn bộ phần diện tích đất được chia có hoạ đồ kèm theo.

Như vậy, giá trị tài sản thừa kế của ông Sanh chia cho mỗi đồng thừa kế được hưởng là 3.121.367.000đ. Do phần đất của chị N, chị Loan, chị Ngọc được chia có giá trị nhiều hơn nên chị Ngọc, chị Loan, chị N phải thanh toán lại cho bà H số tiền chênh lệch như sau: Chị N được chia là 3.328.668.000đ - 3.121.367.000đ = 207.301.000đ; Chị Loan được chia là 3.220.000.000đ - 3.121.367.000đ = 98.633.000đ; Chị Ngọc được chia là 3.436.800.000đ - 3.121.367.000đ = 315.433.000đ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị tính công sức gìn giữ, bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế của là 10% trên tổng giá trị di sản ông Sanh để lại thấy rằng: Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2020, bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sanh để lại và không yêu cầu tính công sức gìn giữ, bảo quản, tôn tạo; sau khi xét xử sơ thẩm bà H kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm tính 10% công sức gìn giữ, bảo quản, tôn tạo di sản tương đương 1.248.546.800đ là không có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác, sau khi ông Sanh chết năm 2019, bà H không sinh sống trên diện tích đất tranh chấp mà các con ông Sanh quản lý gìn giữ di sản này nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của bà H.

[4] Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xác minh, đo vẽ, định giá tài sản là 7.154.000đ. Bà H đã tạm nộp và quyết toán xong. Xét thấy, việc xác minh, đo vẽ, định giá tài sản là cần thiết cho việc giải quyết vụ án nên các bên phải chịu ¼ chi phí tố tụng là phù hợp.

[6] Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bà H, chị N, chị Loan, chị Ngọc mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng giá trị di sản được chia. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

bà An phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, tính đến ngày xét xử bà Nguyễn Thị H đã trên 60 tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung*” với bị đơn chị Nguyễn Thị KimN, chị Nguyễn Thị Kim Ngọc, chị Nguyễn Thị Kim Loan.

1.1. Xác định diện tích đất 2.760m² (trong đó có 400m² đất ODT và 2.360m² đất CLN) thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 42; diện tích đất 821m² đất TSN thuộc thửa số 96 và diện tích đất 736m² đất CLN thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H và tài sản trên đất là di sản của ông Nguyễn Văn Sanh để lại.

Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sanh cho các đồng thừa kế, cụ thể như sau:

1.2. Chia cho bà Nguyễn Thị H diện tích đất 711m², trong đó có 100m² đất ONT và 611m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H và tài sản trên đất.

1.3. Chia cho chị Nguyễn Thị Kim N diện tích đất 639m², trong đó có 100m² đất ONT và 539m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H cùng tài sản và diện tích đất 821m² đất TSN thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H.

1.4. Chia cho chị Nguyễn Thị Kim Loan diện tích đất 618m², trong đó có 100m² đất ONT và 518m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H và tài sản trên đất.

1.5. Chia cho chị Nguyễn Thị Kim Ngọc diện tích đất 792m², trong đó có 100m² đất ONT và 692m² đất CLN thuộc một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H cùng tài sản và diện tích đất 736m² đất CLN thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4.

1.6. Buộc chị Nguyễn Thị Kim N phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 207.301.000đ.

1.7. Buộc chị Nguyễn Thị Kim Loan phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 98.633.000đ.

1.8. Buộc chị Nguyễn Thị Kim Ngọc phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 315.433.000đ.

Đất chia cho bà H, chị N, chị Loan, chị Ngọc như trên có họa đồ lô đất kèm theo. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 2.702m² thuộc thửa đất số 175, 176, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H.

3. Đình chỉ yêu cầu của đồng bị đơn đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán lại cho đồng bị đơn số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Tú An đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất 2.830m² thuộc thửa số 95 và $\frac{1}{2}$ diện tích đất 862m² thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 42, bộ bản đồ địa chính thị trấn B, huyện H.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Nguyễn Thị KimN, chị Nguyễn Thị Kim Ngọc, chị Nguyễn Thị Kim Loan mỗi người phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 1.788.500đ (Một triệu, bảy trăm tám mươi tám ngàn năm trăm đồng).

6. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

Buộc chị Nguyễn Thị KimN phải chịu 94.427.000đ (Chín mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chịN đã nộp là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0003054 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. ChịN còn phải nộp thêm 82.427.000đ (Tám mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim Ngọc phải chịu 94.427.000đ (Chín mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ngọc đã nộp là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0003031 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Ngọc còn phải nộp thêm 82.427.000đ (Tám mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim Loan phải chịu 94.427.000đ (Chín mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Loan đã nộp là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0003030 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Loan còn phải nộp thêm 82.427.000đ (Tám mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Huỳnh Thị Tú An phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà An đã nộp là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0002931 ngày 17 tháng 2 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Hoàn trả cho bà An số tiền 18.700.000đ (Mười tám triệu, bảy trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí còn dư.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thanh Lê Thị Vân

Nguyễn Thành Tâm

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đ;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự;(10)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân Huỳnh Châu Thạch

Đỗ Mạnh Hùng

